

Bản án số: 202/2022/KDTM-ST

Ngày: 09/9/2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 174/2021/KTST ngày 23/12/2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5396/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5514/2022/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị L (Theo Giấy uỷ quyền số 79/NHNoHCM-PC ngày 04/5/2022).

Địa chỉ liên hệ: 2A P, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V.

Địa chỉ: E11 A 03, Khu phố 3, phường A, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Lam S, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, Khu phố 3A, phường D, tp. B, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/10/2021; đơn sửa đổi đơn khởi kiện ngày 21/02/2022, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, bà Phan Thị L là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng) với bị đơn ký Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201701779 ngày 19/12/2017, theo đó bị đơn vay số tiền 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng) theo phương thức cho vay từng lần trong thời hạn 10 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Bị đơn nhận tiền vay lần đầu vào ngày 20/12/2017; lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất ghi trên giấy nhận nợ quá hạn, lãi suất điều chỉnh vào các thời điểm ngày 01/01, ngày 01/4, ngày 01/7 và 01/10 hàng năm, lãi suất chậm trả 10%/năm; hàng tháng trả tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi vào ngày 10 dương lịch, tháng cuối trả gốc 150.000.000 đồng, ngày trả nợ cuối cùng là 20/12/2027; mục đích vay để bù đắp chi phí mua căn nhà E11 Khu phố 3, phường A, Quận H làm trụ sở công ty.

Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ E11 A 03, Khu phố 3, phường A, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bị đơn (đăng ký chuyển nhượng ngày 18/12/2017) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1700-LCL-201701492 chứng nhận công chứng số 008379, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N ngày 19/02/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/12/2017.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền 18.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bị đơn mở tại ngân hàng theo Ủy nhiệm chi ngày 20/12/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn, gặp khó khăn về tài chính nên thống nhất giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý thu nợ (theo các Biên bản làm việc ngày 17/10/2018, ngày 18/02/2019, ngày 10/4/2019, ngày 21/8/2019). Tổng dư nợ của bị đơn theo Biên bản thu giữ tài sản ngày 11/4/2019 là 18.038.699.999 đồng (bao gồm nợ gốc 16.950.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn, tiền phạt quá hạn). Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay áp dụng từ ngày 01/7/2019 là 11%/năm (quá hạn 16,5%).

Ngân hàng đã ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 114/2019/HĐ-BĐGTS ngày 07/11/2019 với Công ty Đấu giá Hợp danh Đ để xử lý bán tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp được bán với giá 17.178.113.100 đồng (đã bao gồm VAT) theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá công chứng số 22523, quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2020 và Ngân hàng giải chấp tài sản theo Thông báo số 326/NHNoHCM-KHDN ngày 15/10/2020. Sau khi cân trừ thanh lý hợp đồng bán đấu giá số tiền 106.711.000 đồng, Ngân hàng thu đủ nợ gốc 16.950.000.000 đồng, lãi tích lũy đầu kỳ 50.000.000 đồng và tạm treo các khoản chờ thanh toán khác là 71.402.100 đồng.

Tạm tính đến ngày 24/6/2021, bị đơn còn nợ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của lãi trong hạn tổng cộng là 4.417.448.981 đồng nhưng bị đơn không thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ

lãi và tiền lãi tiếp tục phát sinh tạm tính đến sau ngày 24/6/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ lãi.

Tại phiên toà, Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử tổng cộng là 5.139.172.027 đồng; trong đó tính đến ngày 15/10/2020 lãi trong hạn: 3.795.638.356, lãi quá hạn: 232.517.466 đồng, lãi chậm trả của lãi trong hạn tính đến ngày 09/9/2022: 1.111.016.205 đồng; tiền lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ (Theo Bảng tính gốc và lãi phát sinh từ ngày 11/8/2018 đến ngày 09/9/2022).

Bị đơn là Công ty TNHH V, có ông Lê Lam S là người đại diện theo pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được Tòa án tổng đạt các thông báo và triệu tập thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201701779 ngày 19/12/2017, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 18.000.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm, lãi suất 9,5%/năm tại thời điểm cấp tín dụng, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn; ngày 10 dương lịch hàng tháng trả gốc 150.000.000 đồng và lãi. Để bảo đảm cho khoản nợ, bị đơn thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ E11 A 03, Khu phố 3, phường A, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1700-LCL-201701492 chứng nhận công chứng số 008379, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/02/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/12/2017. Nguyên đơn đã giải ngân và giao cho bị đơn số tiền 18.000.000.000 đồng ngày 20/12/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đã bàn giao tài sản thế chấp để nguyên đơn xử lý thu hồi nợ.

Ngày 07/11/2019, nguyên đơn ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 114/2019/HĐ-BĐGTS và bán đấu giá tài sản theo Biên bản ngày 10/9/2020. Ngày 15/10/2020, nguyên đơn bán tài sản đấu giá theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá công chứng số 22523, quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD với giá 17.178.113.100 đồng. Sau khi khấu trừ các khoản chi phí bán đấu giá tài sản, nguyên đơn thu nợ gốc và một phần lãi. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2021 là 4.417.448.981 đồng. Nay

tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán theo Bảng tính gốc và lãi phát sinh từ ngày 11/8/2018 đến ngày 09/9/2022 tổng cộng số tiền 5.139.172.027 đồng và tiền lãi chậm trả tiếp tục phát sinh theo lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn thanh toán tiền nợ lãi là tranh chấp phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng của nguyên đơn, bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở chính tại Quận H, Tp. Hồ Chí Minh; tuy nhiên do hợp đồng tín dụng được bị đơn xác lập và thực hiện với chi nhánh của nguyên đơn tại Quận M nên nguyên đơn lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của các cơ quan như: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 29/11/2021; Công an phường A, Quận H ngày 12/5/2022; Công an phường T, quận P ngày 19/4/2022; Công an phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 20/4/2022 có cơ sở xác định: Bị đơn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 17/5/2011, mã số 0310856312, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 13/6/2018 có địa chỉ trụ sở chính tại E11 đường A 03, khu phố 3, phường A, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh nhưng không thực tế hoạt động tại đây, hiện chưa đăng ký giải thể; đồng thời người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê Lam S không đăng ký thường trú, tạm trú tại 126 V, phường T, quận P, Tp. Hồ Chí Minh, chuyển đăng ký thường trú (hộ ghép) tại tổ 9 khu phố 3A, phường D, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai từ ngày 31/8/2020 nhưng không cư trú tại đây, hiện không xác định được nơi cư trú hiện nay. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn, việc bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn thay đổi địa chỉ nhưng không đăng ký, không thông báo cho nguyên đơn biết được xem là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân Quận 1 tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và ban hành Quyết định số 4254/2022/QĐ-TB ngày 11/7/2022 về việc Thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của nguyên đơn, triệu tập bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng

họ vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn thanh toán nợ lãi:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201701779 ngày 19/12/2017, theo đó nguyên đơn đã giải ngân vào tài khoản của bị đơn số tiền vay 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng) theo Ủy nhiệm chi ngày 20/12/2017 để bù đắp chi phí mua căn nhà E11 Khu phố 3, phường A, Quận H làm trụ sở công ty của bị đơn, đồng thời bị đơn dùng căn nhà này để thế chấp bảo đảm cho khoản vay; thời hạn vay 10 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất ghi trên giấy nhận nợ quá hạn, lãi suất điều chỉnh vào các thời điểm ngày 01/01, ngày 01/4, ngày 01/7 và 01/10 hàng năm, lãi suất chậm trả 10%/năm; hàng tháng trả tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi vào ngày 10 dương lịch, tháng cuối trả gốc 150.000.000 đồng, ngày trả nợ cuối cùng là 20/12/2027. Hợp đồng tín dụng được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận về lãi suất và phương thức thanh toán nợ gốc và lãi phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên được công nhận.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc, lãi đúng kỳ hạn nên đã bàn giao tài sản bảo đảm để nguyên đơn xử lý thu hồi nợ. Theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá công chứng số 22523, quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2020, tài sản bảo đảm bán đấu giá thành 17.178.113.100 đồng. Sau khi trừ chi phí bán đấu giá số tiền 106.711.000 đồng, thông qua các chứng từ giao dịch SBT40 (LN/20T), SBT41(LN/20T), SBT42 (GL/20T) ngày 15/10/2020 nguyên đơn thu nợ gốc 16.950.000.000 đồng, lãi tích lũy đầu kỳ 50.000.000 đồng và tạm treo các khoản chờ thanh toán chi phí khác là 71.402.100 đồng. Việc bị đơn bàn giao tài sản bảo đảm cho nguyên đơn xử lý thu hồi nợ là tự nguyện; tại các Biên bản làm việc ngày 17/10/2018, ngày 18/02/2019, ngày 10/4/2019, ngày 21/8/2019 và Biên bản thu giữ tài sản ngày 11/4/2019 không ghi nhận thỏa thuận của hai bên về việc tắt toán khoản vay hợp đồng tín dụng. Do đó, bị đơn chậm trả nợ gốc 150.000.000 đồng của mỗi kỳ đến hạn vào ngày 10 dương lịch hàng tháng sẽ phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của lãi trong hạn theo mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm cho vay 9,5%/năm và mức lãi suất điều chỉnh 11%/năm áp dụng từ 01/7/2019, lãi quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Điều 2, Điều 3, Điều 5 Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 24/6/2021, bị đơn còn nợ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả của lãi trong hạn tổng số tiền 4.417.448.981 đồng nhưng không trả cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử tổng cộng 5.139.172.027 đồng, trong đó: tiền lãi trong hạn tính đến ngày 15/10/2020 là: 3.795.638.356; lãi quá hạn: 232.517.466 đồng, lãi chậm trả

của lãi trong hạn tính đến ngày 09/9/2022 là: 1.111.016.205 đồng (Theo Bảng tính gốc và lãi phát sinh từ ngày 11/8/2018 đến ngày 09/9/2022) là có cơ sở chấp nhận, đồng thời bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả của lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án, triệu tập bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[2.3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền: 5.139.172.027 đồng, trong đó: tiền lãi trong hạn: 3.795.638.356; lãi quá hạn: 232.517.466 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 1.111.016.205 đồng; tiền lãi chậm trả tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc Công ty TNHH V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền: 5.139.172.027 đồng (*Năm tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: tiền lãi trong hạn: 3.795.638.356; lãi quá hạn: 232.517.466 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 1.111.016.205 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH V còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả của tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH V phải chịu án phí là 113.139.172 đồng (*Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi chín nghìn một trăm bảy mươi hai đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.208.724 đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005248 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị Ánh